

Số: 5552 /CT-TTHT
V/v chính sách thuế TNCN

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội
(Đ/c: 17 Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội)
MST: 0100112444

Trả lời công văn số 0909119-2 ngày 09/01/2018 của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội (sau đây gọi là Ngân hàng) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 36 Luật Bộ luật Lao động số 10/2012/QH ngày 18/6/2012 của Quốc hội quy định trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động do hai bên thỏa thuận.

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định về các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công:

“2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:

a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.

... b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

...b.6) ..., trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội....”

+ Tại Điều 25 quy định về khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế:

“1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:

...b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công

b.1) Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ ba (03) tháng trở lên tại nhiều nơi.

b.2) Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên nhưng nghỉ làm trước khi kết thúc hợp đồng lao động thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần.



...b.5) Số thuế phải khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này; của cá nhân không cư trú được xác định theo Điều 18 Thông tư này.

...2. Chứng từ khấu trừ

a) Tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập đã khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều này phải cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của cá nhân bị khấu trừ. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ.

b) Cấp chứng từ khấu trừ trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...b.2) Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên: tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ trong một kỳ tính thuế. ...”

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT, thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định về thuế.

+ Tại khoản 1, khoản 3 Điều 21 hướng dẫn về khai quyết toán thuế TNCN:

“1. Sửa đổi, bổ sung tiết a.3 điểm a khoản 1 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

“a.3) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân và quyết toán thuế thu nhập cá nhân thay cho các cá nhân có ủy quyền không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

...

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC:

“2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế

...a.3) Khai quyết toán thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo trừ các trường hợp sau:

- Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 (mười) triệu đồng, đã được đơn vị trả thu nhập

khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

...a.4) Ủy quyền quyết toán thuế

a.4.1) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một tổ chức, cá nhân trả thu nhập và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 (mười hai) tháng trong năm, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán đối với phần thu nhập này.”

+ Tại khoản 6 Điều 24 quy định về sửa đổi các mẫu biểu khai thuế TNCN của Thông tư số 156/2013/TT-BTC bằng các mẫu biểu tương ứng ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC:

“6. Sửa đổi các mẫu biểu số 05/KK-TNCN, 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK-TNCN, 05-3/BK-TNCN, 02/KK-TNCN, 11/KK-TNCN, 11-1/TB-TNCN, 04-2/KK-TNCN, 07/KK-TNCN, 09/KK-TNCN, 03/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính bằng các mẫu biểu mới tương ứng số 05/QTT-TNCN, 05-1/BK-TNCN, 05-2/BK-TNCN, 05-3/BK-TNCN, 05/KK-TNCN, 03/BDS-TNCN, 03/TBT-BDS-TNCN, 04/UQ-QTT-TNCN, 02/KK-TNCN, 02/QT-TNCN, 06/TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Ngân hàng và người lao động thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động (từ 03 tháng trở lên), Ngân hàng thực hiện trả lương và các khoản hỗ trợ, trợ cấp cho người lao động thì:

- Đối với các khoản tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác theo quy định của Bộ luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội thuộc đối tượng không chịu thuế TNCN.

- Đối với các khoản tiền lương, tiền công, tiền phụ cấp, trợ cấp chịu thuế TNCN, Ngân hàng thực hiện khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần.

- Đối với khoản hỗ trợ tài chính mà Ngân hàng trả thêm cho người lao động (ngoài quy định của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội) sau khi đã chấm dứt hợp đồng lao động, nếu khoản chi này từ hai triệu (2.000.000) đồng trở lên thì Ngân hàng thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trước khi chi trả.

- Về quyết toán thuế TNCN:

+ Đối với cá nhân: Trường hợp tại thời điểm quyết toán thuế, cá nhân không còn làm việc tại Ngân hàng thì không thuộc trường hợp ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho Ngân hàng. Cá nhân trực tiếp quyết toán thuế TNCN nếu có số thuế có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ; khi quyết

toán thuế TNCN, cá nhân tính tổng thu nhập chịu thuế trong năm trừ các khoản giảm trừ để xác định thu nhập tính thuế và tính thuế TNCN phải nộp theo biểu lũy tiến từng phần.

+ Đối với tổ chức: Khi quyết toán thuế TNCN, Ngân hàng khai vào mẫu 05/QTT-TNCN, 05-1/BK-QTT-TNCN (đối với khoản chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần), 05-2/BK-QTT-TNCN (đối với khoản chi trả khấu trừ theo mức 10%) ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6)3)



Mai Sơn